

MARKET INSIGHTS REPORTS

21/09/2022

1,200 HỖ TRỢ TỐT CHO CHỈ SỐ - XU HƯỚNG
CHÍNH CÓ LẼ PHỤ THUỘC VÀO FED NGÀY MAI



NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Canlde”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Giá giảm khối lượng giảm không phải là điểm quá tiêu cực nhất sau ngày tiêu cực hôm qua của thị trường.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index vẫn nằm dưới MA(50) – Như vậy, vùng giá 1,227 sẽ là vùng kháng cự của chỉ số lúc này. (ii) Vùng hỗ trợ tâm lý 1,200 điểm hôm nay phát huy tác dụng cho thấy áp lực bán bằng mọi giá khi xuống thấp không hẳn quá lớn; (iii) Nhóm xây dựng và đầu khí phần nào giúp cách nhìn thị trường giảm bớt sự tiêu cực;

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 02 mã cho tín hiệu mua, 04 mã cho tín hiệu bán, 24 mã cho tín hiệu đi ngang. VNM, PNJ...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 50% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thống kê cho thấy chỉ số sẽ tăng điểm vào phiên ngày mai. Kháng cự là 1,227 điểm. Hỗ trợ là 1,200 điểm. Hỗ trợ mạnh là 1,150 điểm

Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày (EOD)

Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến trong ngày

Danh mục cổ phiếu đáng quan tâm vào ngày mai

Biểu đồ trong ngày:

- Suất sinh lợi của trái phiếu chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm từ 1928 – 2022;
- Tiết kiệm và tiêu dùng Mỹ chưa cho thấy dấu hiệu của suy thoái kinh tế;
- Một ngày giảm mạnh thường nữa là cơ hội để mua theo dữ liệu lịch sử;

TTCK Mỹ: Thị trường đang ở thể lưỡng lự trước giờ FED tăng lãi suất hôm nay. Với đợt tăng lãi suất này, nhà đầu tư có lẽ sẽ chú ý cả vào việc FED sẽ gửi thông điệp chính sách mới về việc quản lý lãi suất chứ không hẳn chỉ là mức tăng 0.75% hay 1%. Về cảm giác, chúng tôi thấy chỉ số có thể tăng điểm sau khi FED công bố tăng lãi suất.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	522
Số cổ phiếu không có giao dịch	50
Số cổ phiếu tăng giá	140 / 24.48%
Số cổ phiếu giảm giá	309 / 54.02%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	123 / 21.50%

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	242
Số cổ phiếu không có giao dịch	99
Số cổ phiếu tăng giá	69 / 20.23%
Số cổ phiếu giảm giá	100 / 29.33%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	172 / 50.44%

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	340
Số cổ phiếu không có giao dịch	518
Số cổ phiếu tăng giá	149 / 17.37%
Số cổ phiếu giảm giá	107 / 12.47%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	602 / 70.16%

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	17,580,314	23,246,871	-5,666,557
% KL toàn thị trường	4,49%	5,93%	
Giá trị	670,84 tỷ	792,89 tỷ	-122,05 tỷ
% GT toàn thị trường	8,92%	10,54%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	638,200	102,850	535,350
% KL toàn thị trường	1,38%	0,22%	
Giá trị	11,26 tỷ	1,97 tỷ	9,29 tỷ
% GT toàn thị trường	100,78%	17,66%	

UPCOM

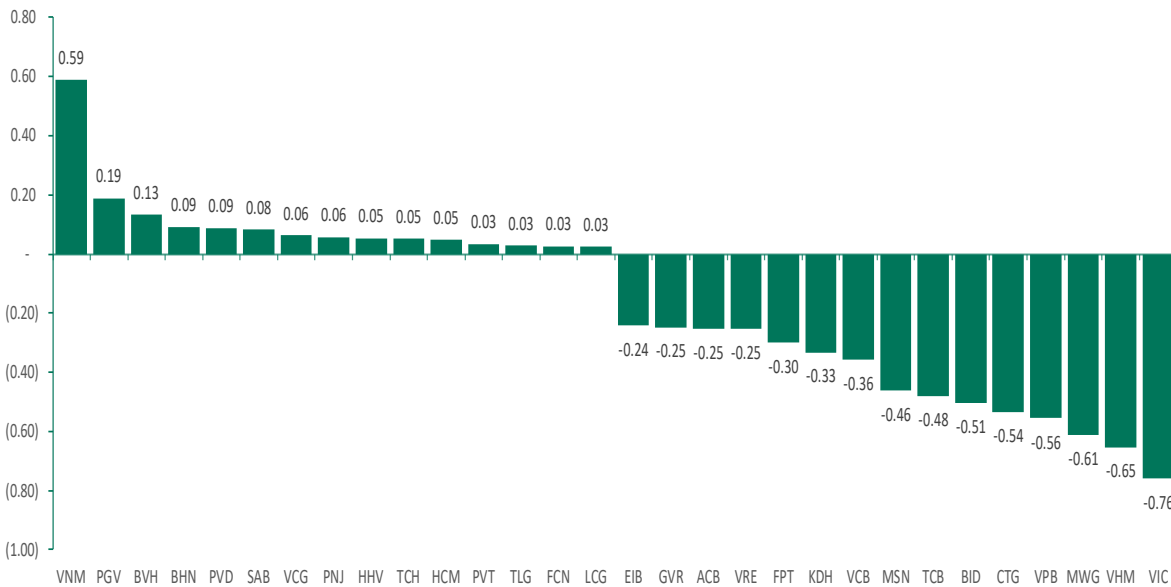
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	132,406	809,016	-676,610
% KL toàn thị trường	0,44%	2,68%	
Giá trị	5,33 tỷ	21,19 tỷ	-15,86 tỷ
% GT toàn thị trường	1,36%	5,42%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG (TT)

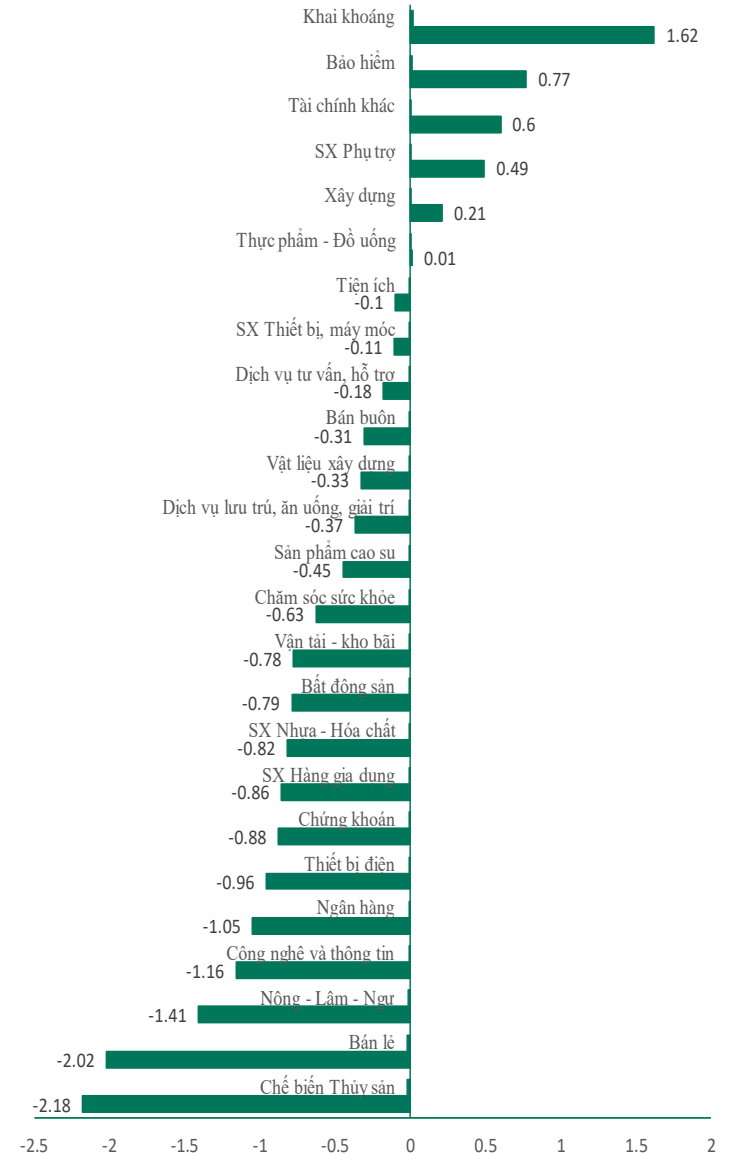
TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	499,200	78,900	-300 (-0.38%)	18.81	3.04	4,195	373,396
2	VHM	1,732,700	58,300	-600 (-1.02%)	6.47	1.96	9,015	253,860
3	VIC	482,700	63,100	-800 (-1.25%)	(92.12)	1.82	(685)	240,659
4	GAS	216,700	109,000	-100 (-0.09%)	25.02	3.44	4,356	208,621
5	BID	495,400	34,750	-400 (-1.14%)	20.10	1.87	1,729	175,784
6	NVL	2,330,200	84,600	0 (0%)	46.51	3.71	1,819	164,956
7	VNM	2,477,500	76,900	1,100 (1.45%)	17.02	4.36	4,517	160,718
8	MSN	332,400	112,000	-1,300 (-1.15%)	15.41	4.11	7,269	159,457
9	HPG	9,916,300	22,900	-100 (-0.43%)	3.20	1.33	7,166	133,159
10	VPB	12,579,500	29,500	-500 (-1.67%)	11.14	1.34	2,647	132,026

TOP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI CHỈ SỐ VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH TRONG NGÀY



TTCK VIỆT NAM: Thị trường vẫn nằm trên mốc 1,200 điểm – Chờ đợi FED

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 13.50 điểm (+ 1.12%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Khai khoáng, bảo hiểm, tài chính khác, sản xuất phụ trợ, xây dựng là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như PVD, PVC, PVS, PVB, BVH, MIG, PVI, OGC, PNJ, VCG, LCG, C4G, HHV... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) Nhóm dầu khí tiếp tục có phiên tăng giá thứ 2 liên tiếp và đà tăng chủ yếu tới từ các công ty tham gia hoạt động thượng nguồn và phụ trợ. Chuỗi tăng này đến từ:

- ✓ Giá các cổ phiếu chạm hỗ trợ động MA(50) và hình thành nền đảo chiều tăng giá vào ngày hôm qua – Mẫu hình kỹ thuật tích cực;
- ✓ Giá dầu Brent Oil vẫn duy trì trên mức 90\$ dù áp lực bán khá mạnh trong vài phiên gần đây. Điều này củng cố niềm tin rằng dầu có thể tăng trở lại trong giai đoạn tới khi Mỹ sắp dừng bán dầu từ kho dự trữ và lệnh cấm vận dầu Nga của EU có hiệu lực từ đầu năm 2023;

(ii) Nhóm xây dựng vẫn giao dịch tốt. Kỳ vọng tăng giá nhóm này tới từ:

- ✓ Giải ngân đầu tư công sẽ khởi thông mạnh vào cuối năm 2022 và chu kỳ đầu tư hạ tầng lớn nhất trong lịch sử Việt Nam và là nhịp đầu tư hạ tầng lớn thứ 2 kể từ năm 2007. Về cơ bản, các vướng mắc thời gian qua đang dần được tháo gỡ và điều này sẽ thúc đẩy nhanh quá trình nhận thầu của các doanh nghiệp;
- ✓ Phần lớn cổ phiếu trong nhóm này vẫn giao dịch quanh vùng hỗ trợ động MA(50) và đây được coi là hỗ trợ trung hạn;
- ✓ Biên lợi nhuận gộp được kỳ vọng cải thiện tốt từ Q3/2022;
- ✓ Khối lượng giao dịch có xu hướng tăng ở nhóm này;
- ✓ VCG dẫn đầu đà tăng của nhóm này kéo các cổ phiếu đi sau tăng tốt. Nay HHV và LCG có ngày giao dịch tốt hơn thị trường chung;

(iii) PNJ tăng giá tốt. Điểm nhấn là:

- ✓ Lũy kế 8T/2022, PNJ ghi nhận doanh thu thuần tăng 88% so với cùng kỳ đạt 23.049 tỷ đồng (gần 1 tỷ USD). Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 1.246 tỷ đồng, gần gấp đôi con số cùng kỳ và hoàn thành hơn 94% kế hoạch cả năm.
- ✓ Mẫu hình tăng giá vẫn là giá xuống. Giá cổ phiếu PNJ cần vượt 115 để xác định mô hình giá tăng;

(2) Chế biến thủy sản, bán lẻ, nông lâm ngư, công nghệ thông tin, ngân hàng là nhóm giảm nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như ANV, VHC,

CMX, FMC, FRT, MWG, FPT, HAG, HNG, VCB, VPB, STB, TCB... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) Nhóm thủy sản ANV, VHC giao dịch khá tiêu cực. Yếu tố cần quan tâm là:

- ✓ Giá cổ phiếu đang giao dịch ở vùng đáy hỗ trợ tháng 8/2022. Cần quan sát vùng hỗ trợ này để xác định xu hướng tiếp theo của nhóm này;
- ✓ Kết quả kinh doanh nhóm này vẫn tốt nhờ cước vận tải biển giảm dù giá cá đã suy giảm;

(ii) Nhóm bán lẻ giảm có lẽ do thông tin đồng USD liên tục tăng cao mấy ngày gần đây. Nhóm này về mẫu hình vẫn nằm trong mẫu hình giảm giá và có vay nợ bằng USD;

(iii) Ngân hàng giao dịch tiêu cực và hầu hết đang trong xu hướng giảm giá trung hạn. Áp lực bán hiện tại tới từ việc dòng tiền mua vào trước nghỉ lễ với kỳ vọng mở room ngân hàng;

Phân tích kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Canlde”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Giá giảm khối lượng giảm không phải là điểm quá tiêu cực nhất sau ngày tiêu cực hôm qua của thị trường.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index vẫn nằm dưới MA(50) – Như vậy, vùng giá 1,227 sẽ là vùng kháng cự của chỉ số lúc này. (ii) Vùng hỗ trợ tâm lý 1,200 điểm hôm nay phát huy tác dụng cho thấy áp lực bán bằng mọi giá khi xuống thấp không hẳn quá lớn. (iii) Nhóm xây dựng và dầu khí phần nào giúp cách nhìn thị trường giảm bớt sự tiêu cực;

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 02 mã cho tín hiệu mua, 04 mã cho tín hiệu bán, 24 mã cho tín hiệu đi ngang. VNM, PNJ... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 50% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thống kê cho thấy chỉ số sẽ tăng điểm vào phiên ngày mai. Kháng cự là 1,227 điểm. Hỗ trợ là 1,200 điểm. Hỗ trợ mạnh là 1,150 điểm.

Biểu đồ kỹ thuật VN-Index



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	463.8	463.86	463.73	YES	467.02	470.39	473.61	476.98	460.43	457.21	453.84	450.62
HNXINDEX	265.15	265.17	265.12	YES	266.81	268.54	270.2	271.93	263.42	261.76	260.03	258.37
UPINDEX	88.26	88.28	88.25	YES	88.52	88.8	89.06	89.34	87.98	87.72	87.44	87.18
VN30	1229.09	1229.54	1228.64	YES	1235.16	1242.12	1248.19	1255.15	1222.13	1216.06	1209.1	1203.03
VNINDEX	1210.84	1210.98	1210.69	YES	1216.99	1223.44	1229.59	1236.04	1204.39	1198.24	1191.79	1185.64
VNXALL	1939.09	1940.46	1937.71	YES	1950.08	1963.84	1974.83	1988.59	1925.33	1914.34	1900.58	1889.59
VN30FIM	1220.7	1221.25	1220.15	YES	1227.9	1236.2	1243.4	1251.7	1212.4	1205.2	1196.9	1189.7
VN30F1Q	1218.87	1219.8	1217.93	YES	1223.73	1230.47	1235.33	1242.07	1212.13	1207.27	1200.53	1195.67
VN30F2M	1219.33	1220.25	1218.42	YES	1225.17	1232.83	1238.67	1246.33	1211.67	1205.83	1198.17	1192.33
VN30F2Q	1216.17	1216.5	1215.83	YES	1220.33	1225.17	1229.33	1234.17	1211.33	1207.17	1202.33	1198.17
ACB	22.68	22.73	22.64	NO	22.77	22.93	23.02	23.18	22.52	22.43	22.27	22.18
BID	34.87	34.92	34.81	NO	34.98	35.22	35.33	35.57	34.63	34.52	34.28	34.17
BVH	54.43	54.1	54.77	NO	55.77	56.43	57.77	58.43	53.77	52.43	51.77	50.43
CTG	25.67	25.73	25.61	NO	25.83	26.12	26.28	26.57	25.38	25.22	24.93	24.77
FPT	82.63	82.8	82.47	NO	82.97	83.63	83.97	84.63	81.97	81.63	80.97	80.63
GAS	109.07	109.1	109.03	YES	109.83	110.67	111.43	112.27	108.23	107.47	106.63	105.87
GVR	23.42	23.5	23.33	NO	23.63	24.02	24.23	24.62	23.03	22.82	22.43	22.22
HDB	24.67	24.65	24.68	YES	24.98	25.27	25.58	25.87	24.38	24.07	23.78	23.47
HPG	22.85	22.83	22.88	NO	23	23.1	23.25	23.35	22.75	22.6	22.5	22.35
KDH	32.05	32.35	31.75	NO	32.75	34.05	34.75	36.05	30.75	30.05	28.75	28.05
MBB	21.12	21.08	21.16	NO	21.28	21.37	21.53	21.62	21.03	20.87	20.78	20.62
MSN	112.17	112.25	112.08	YES	113.23	114.47	115.53	116.77	110.93	109.87	108.63	107.57
MWG	70.33	70.5	70.17	NO	70.67	71.33	71.67	72.33	69.67	69.33	68.67	68.33
NVL	84.43	84.35	84.52	YES	84.87	85.13	85.57	85.83	84.17	83.73	83.47	83.03
PDR	51.43	51.35	51.52	NO	51.87	52.13	52.57	52.83	51.17	50.73	50.47	50.03
PLX	37.97	38	37.93	YES	38.23	38.57	38.83	39.17	37.63	37.37	37.03	36.77
PNJ	113.73	113.65	113.82	YES	114.47	115.03	115.77	116.33	113.17	112.43	111.87	111.13
POW	13.53	13.57	13.49	NO	13.62	13.78	13.87	14.03	13.37	13.28	13.12	13.03
SAB	187.57	187.35	187.78	NO	189.93	191.87	194.23	196.17	185.63	183.27	181.33	178.97
SSI	20.57	20.58	20.56	YES	20.78	21.02	21.23	21.47	20.33	20.12	19.88	19.67
STB	21.87	21.92	21.81	NO	21.98	22.22	22.33	22.57	21.63	21.52	21.28	21.17
TCB	34.7	34.8	34.6	NO	34.9	35.3	35.5	35.9	34.3	34.1	33.7	33.5
TPB	25.22	25.2	25.23	YES	25.43	25.62	25.83	26.02	25.03	24.82	24.63	24.42
VCB	78.8	78.75	78.85	YES	79.7	80.5	81.4	82.2	78	77.1	76.3	75.4
VHM	58.4	58.45	58.35	YES	58.8	59.3	59.7	60.2	57.9	57.5	57	56.6
VIC	63.13	63.15	63.12	YES	63.57	64.03	64.47	64.93	62.67	62.23	61.77	61.33
VJC	115.07	115.1	115.03	YES	115.93	116.87	117.73	118.67	114.13	113.27	112.33	111.47
VNM	76.7	76.6	76.8	NO	77.8	78.7	79.8	80.7	75.8	74.7	73.8	72.7
VPB	29.53	29.55	29.52	YES	29.97	30.43	30.87	31.33	29.07	28.63	28.17	27.73
VRE	28.58	28.58	28.59	YES	28.87	29.13	29.42	29.68	28.32	28.03	27.77	27.48

CÁC CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
HHV	8,363,800	2,469,250	339	4.79
LCG	7,086,500	2,969,430	239	4.65
VHG	2,940,000	1,328,460	221	6.06
FTM	2,395,600	370,460	647	10.71
PFL	2,377,500	422,670	562.5	8.77
CDO	1,630,700	371,690	439	10.26
DTE	1,347,600	266,090	506	4.55
TNT	707,800	168,040	421.21	3.55
BOT	503,300	176,590	285	8.62
NHV	243,800	68,750	355	4.35
SHP	183,400	21,550	851.04	3.08
ICF	117,100	35,720	328	10.34
SZG	74,100	5,440	1,362	2.27
MNB	66,200	7,650	865	14.98
MCO	59,400	10,980	541	6.82
PDB	58,000	28,340	204.66	2.9
ONE	52,000	25,840	201	0
VLB	44,200	13,470	328	0
SID	30,700	10,960	280	-11.97
HVX	29,100	10,380	280	-2.64
NNC	26,900	3,140	856.69	4.05
TMT	26,600	9,220	289	-0.56
CLL	25,900	4,310	601	-0.34
S55	24,900	7,830	318	0
NBE	19,500	1,720	1,134	1.41
DFP	19,200	8,220	233.58	0.66
SBR	18,900	100	18,900	-12
DCF	17,700	720	2,458	13.83
LM8	15,100	4,390	344	4.13
NTC	14,900	6,890	216	1.64
QNC	14,500	4,000	363	1.39
AME	11,900	4,910	242	1.85
TCR	11,200	4,700	238	0.23
ISH	10,100	4,670	216	0
TMP	9,600	3,250	295	-0.18
VBC	9,600	2,280	421	3.6
DNP	9,500	2,250	422	-0.4
GE2	9,000	2,440	369	-10.49
PGS	8,500	2,760	308	-2.48
USD	8,400	1,050	800	0.75

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: Đầu tư công... bùng nổ khối lượng giao dịch;

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÁNG QUAN TÂM VÀO NGÀY MAI

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
13-Sep	DBC	Mua thêm	≤ 28	10% -20%	KLGD tăng cao/Buy Kumo Break/Giá thị lộn tăng hỗ trợ đà tăng của giá cổ phiếu
13-Sep	DXG	Mua	≤ 25.1	10% -20%	Hỗ trợ động MA(50)/Failure Swing
13-Sep	ANV	Mua	≤ 51	10% -20%	Hỗ trợ động MA(50)/Failure Swing

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG** mở mua cổ phiếu mới nào.
- Hỗ trợ ngắn hạn là vùng 1,200 điểm và hỗ trợ mạnh nằm ở vùng 1,150 điểm;
- Nhóm dầu khí và đầu tư công nên được quan sát để xác định xu hướng thị trường.
- FED tăng lãi suất vào ngày 22/10/2022 sẽ ảnh hưởng tới tâm lý nhà đầu tư trong ngắn hạn do vậy có thể thị trường sẽ giao dịch cầm chừng với việc tăng hoặc giảm nhẹ;
- Nhóm ngân hàng đang có mẫu hình giao dịch tiêu cực và có thể gây áp lực giảm điểm lên chỉ số;

Các thức chốt lời và dừng lỗ

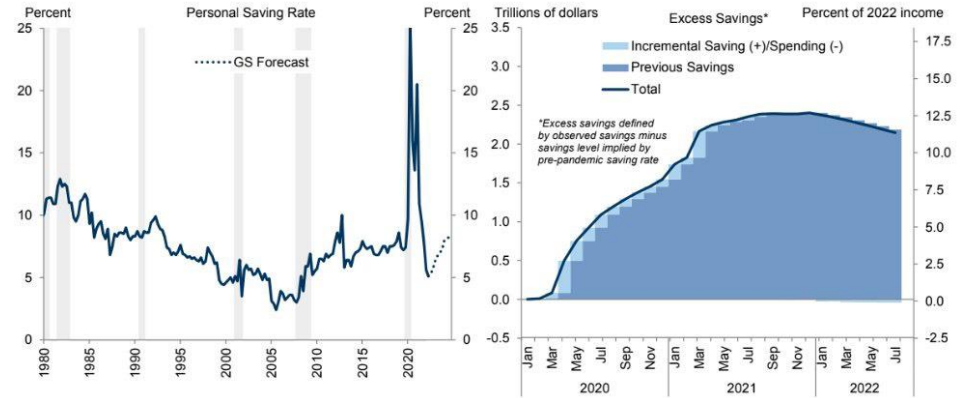
- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị phần lớn đều đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).
- Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Suất sinh lợi của trái phiếu chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm từ 1928 - 2022

US 10-Year Treasury Bond: Total Returns (1928 - 2022)									
Year	Return	Year	Return	Year	Return	Year	Return	Year	Return
1928	0.8%	1947	0.9%	1966	2.9%	1985	25.7%	2004	4.5%
1929	4.2%	1948	2.0%	1967	-1.6%	1986	24.3%	2005	2.9%
1930	4.5%	1949	4.7%	1968	3.3%	1987	-5.0%	2006	2.0%
1931	-2.6%	1950	0.4%	1969	-5.0%	1988	8.2%	2007	10.2%
1932	8.8%	1951	-0.3%	1970	16.8%	1989	17.7%	2008	20.1%
1933	1.9%	1952	2.3%	1971	9.8%	1990	6.2%	2009	-11.1%
1934	8.0%	1953	4.1%	1972	2.8%	1991	15.0%	2010	8.5%
1935	4.5%	1954	3.3%	1973	3.7%	1992	9.4%	2011	16.0%
1936	5.0%	1955	-1.3%	1974	2.0%	1993	14.2%	2012	3.0%
1937	1.4%	1956	-2.3%	1975	3.6%	1994	-8.0%	2013	-9.1%
1938	4.2%	1957	6.8%	1976	16.0%	1995	23.5%	2014	10.7%
1939	4.4%	1958	-2.1%	1977	1.3%	1996	1.4%	2015	1.3%
1940	5.4%	1959	-2.6%	1978	-0.8%	1997	9.9%	2016	0.7%
1941	-2.0%	1960	11.6%	1979	0.7%	1998	14.9%	2017	2.8%
1942	2.3%	1961	2.1%	1980	-3.0%	1999	-8.3%	2018	0.0%
1943	2.5%	1962	5.7%	1981	8.2%	2000	16.7%	2019	9.6%
1944	2.6%	1963	1.7%	1982	32.8%	2001	5.6%	2020	11.3%
1945	3.8%	1964	3.7%	1983	3.2%	2002	15.1%	2021	-4.4%
1946	3.1%	1965	0.7%	1984	13.7%	2003	0.4%	2022*	-14.6%

Tiết kiệm và tiêu dùng Mỹ chưa cho thấy dấu hiệu của suy thoái kinh tế



Một ngày giảm mạnh thường nữa là cơ hội để mua theo dữ liệu lịch sử

Table 2: S&P 500 day of month seasonality returns: 1928 to present

Average returns for each day of the month show plenty of negative (red) days for late September. Seasonality gets better in October, but October has its share of big down days. However, these big down days often provide an opportunity for dip buyers ahead of better seasonality from November through January

Day/Month	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sep	Oct	Nov	Dec
1		0.19%	0.33%	0.25%	0.19%	0.04%	0.36%	0.07%	0.12%	0.24%	0.19%	0.11%
2	-0.37%	0.09%	0.14%	0.08%	0.08%	0.22%	0.11%	0.10%	0.30%	0.16%	0.30%	-0.01%
3	0.17%	0.05%	0.13%	0.10%	0.22%	0.21%	0.49%	0.19%	-0.18%	-0.06%	0.25%	0.00%
4	0.12%	-0.08%	0.08%	0.08%	0.25%	0.10%	-0.17%	-0.10%	-0.12%	0.15%	0.26%	0.15%
5	0.08%	-0.10%	0.08%	0.24%	0.05%	0.09%	0.19%	-0.02%	0.22%	-0.03%	0.16%	0.16%
6	0.33%	0.04%	-0.08%	0.10%	0.14%	0.21%	0.24%	-0.08%	0.07%	0.29%	-0.27%	0.23%
7	-0.02%	-0.09%	-0.21%	-0.28%	-0.23%	-0.01%	-0.07%	0.16%	-0.02%	-0.09%	0.19%	0.12%
8	-0.06%	0.03%	0.07%	0.20%	0.23%	0.00%	0.10%	0.10%	-0.08%	0.03%	-0.03%	-0.09%
9	-0.10%	-0.09%	-0.11%	0.10%	-0.12%	-0.20%	0.21%	0.06%	-0.32%	-0.32%	0.10%	0.00%
10	0.24%	-0.04%	0.18%	0.24%	-0.07%	0.15%	0.07%	-0.15%	-0.26%	0.09%	0.07%	-0.03%
11	-0.02%	0.15%	-0.06%	-0.07%	-0.12%	-0.04%	0.03%	0.12%	0.25%	0.22%	0.12%	-0.16%
12	-0.22%	0.19%	-0.13%	0.25%	-0.03%	0.13%	0.22%	-0.12%	-0.09%	0.06%	-0.16%	-0.17%
13	-0.10%	0.11%	0.11%	0.05%	-0.29%	-0.03%	0.02%	0.08%	0.02%	0.10%	-0.07%	-0.05%
14	0.24%	-0.08%	-0.11%	-0.08%	-0.21%	-0.02%	0.24%	0.02%	-0.10%	0.07%	0.10%	-0.15%
15	0.05%	0.27%	0.50%	0.18%	-0.04%	0.04%	0.02%	0.13%	0.01%	0.04%	-0.06%	-0.04%
16	0.10%	0.05%	0.08%	0.17%	0.03%	0.00%	-0.01%	0.09%	0.27%	-0.15%	0.03%	0.17%
17	0.12%	-0.15%	0.28%	0.16%	-0.02%	0.10%	0.22%	-0.15%	-0.04%	-0.04%	-0.04%	0.01%
18	-0.08%	0.09%	0.03%	0.13%	-0.10%	-0.16%	-0.01%	-0.15%	0.03%	0.01%	-0.14%	0.24%
19	-0.04%	-0.23%	-0.06%	-0.02%	-0.17%	0.13%	-0.07%	-0.15%	0.01%	-0.36%	-0.26%	-0.06%
20	-0.12%	-0.07%	-0.12%	0.06%	-0.06%	-0.06%	-0.10%	0.17%	-0.19%	0.62%	-0.08%	-0.12%
21	-0.09%	0.03%	-0.05%	0.10%	-0.06%	0.09%	-0.18%	-0.07%	-0.10%	0.01%	0.16%	0.11%
22	-0.06%	-0.01%	-0.16%	0.04%	-0.04%	0.01%	0.00%	0.19%	-0.13%	-0.34%	-0.13%	0.12%
23	0.12%	-0.31%	0.12%	-0.10%	-0.03%	0.12%	-0.15%	-0.04%	-0.03%	-0.03%	0.01%	0.02%
24	-0.01%	0.24%	0.08%	-0.07%	-0.02%	-0.13%	0.07%	0.18%	-0.23%	-0.03%	0.30%	0.18%
25	0.03%	-0.18%	-0.08%	0.03%	-0.19%	-0.08%	0.20%	-0.03%	-0.08%	-0.06%	-0.01%	
26	-0.02%	-0.02%	0.26%	-0.05%	0.22%	-0.09%	-0.05%	-0.01%	-0.28%	-0.32%	0.19%	0.30%
27	0.05%	-0.16%	-0.20%	-0.02%	0.10%	-0.01%	0.14%	-0.08%	-0.14%	-0.06%	0.12%	0.08%
28	0.13%	0.02%	-0.04%	-0.19%	0.04%	0.07%	-0.06%	0.00%	0.25%	0.12%	0.03%	0.02%
29	0.13%	-0.09%	0.11%	0.04%	0.23%	0.00%	0.05%	0.09%	-0.31%	0.11%	0.04%	0.26%
30	0.01%		-0.13%	0.12%	0.16%	0.17%	0.19%	-0.06%	-0.38%	0.29%	0.04%	0.42%
31	0.34%		-0.27%		-0.14%		0.04%	0.03%		0.15%		0.24%
Average	0.06%	-0.01%	0.02%	0.06%	0.00%	0.03%	0.08%	0.03%	-0.05%	0.03%	0.05%	0.07%
Median	0.04%	-0.01%	0.03%	0.08%	-0.03%	0.01%	0.06%	0.03%	-0.08%	0.03%	0.04%	0.05%
Percent up	57%	48%	52%	70%	42%	63%	70%	58%	33%	58%	63%	63%
# up 0.2%+	5	2	4	4	5	3	6	1	5	5	4	6
# down 0.2%+	1	2	2	1	3	0	0	0	5	4	2	0
# up 0.3%+	3	0	2	0	0	0	2	0	0	1	2	2
# down 0.3%+	0	1	0	0	0	0	0	0	2	4	0	0

Source: BofA Global Research, Bloomberg

BofA GLOBAL RESEARCH

TTCK MỸ: Tín hiệu lưỡng lự trước giờ FED tăng lãi suất

Đâu là Momentum Bearish?

Bất chấp những đợt bán tháo gần đây, các chỉ số chính bao gồm S&P 500 không đạt đến điều kiện bán quá mức, được định nghĩa là chỉ số RSI-14 hàng ngày dưới 30. Biểu đồ dưới đây cũng cho thấy điều này xảy ra ở cấp độ thành phần riêng lẻ. Chỉ báo trong bảng điều khiển phía dưới hiển thị động lượng trung bình cho khoảng 2.800 cổ phiếu được giao dịch trên NYSE.



Mức cao nhất trong năm được nhìn thấy trong tháng 8 còn động lượng đi xuống không thể vượt qua mức 40 trong suốt đợt bán tháo gần đây. Có thể thấy sự phân kỳ xung lượng tăng đang hình thành, trong đó RSI đang tạo mức thấp cao hơn trong khi giá tạo mức thấp hơn. Việc RSI từ chối đạt mức thấp mới là điều mang tính xây dựng, vì các thị trường đang giảm tình trạng mua quá nhiều trong hơn một năm qua.

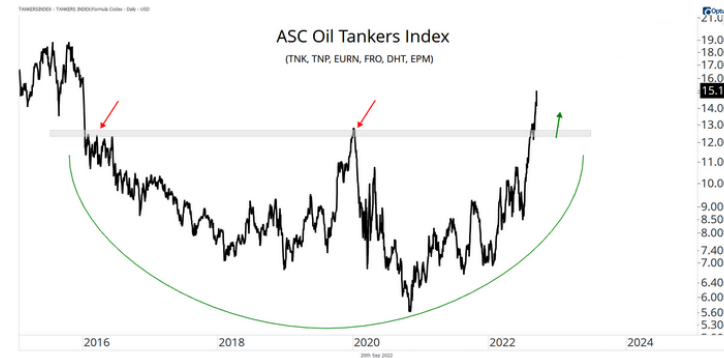
Mái nhà đang cháy

Các cổ phiếu cho đến một hoặc hai tuần vừa qua không thể đạt được mức thấp mới. Điều này đặc biệt đúng ở cấp độ ngành và chỉ số, vì ngay cả những nhóm yếu nhất cũng từ chối phá vỡ mức 52 tuần. Áp lực bán vài ngày gần đây đã thay đổi điều đó và danh sách các mức thấp mới đang dần tăng trở lại. Sau ngày hôm qua, chúng tôi thấy thêm cổ phiếu bất động sản vốn hóa nhỏ (ROOF) vào danh sách phá đáy, cùng với cổ phiếu ngành truyền thông thông tin, cổ phiếu mạng xã hội và các cổ phiếu chu kỳ chậm khác. Biểu đồ trên cho thấy ROOF tạo ra mức thấp mới sau khi kiểm tra lại mức phân tích không thành công từ mô hình cao nhất gần đây của nó. Trong khi cuộc biểu tình vào mùa hè đã đưa giá trở lại mức thấp nhất so với năm ngoái, người bán đã bước vào mức hợp lý này và đã nắm quyền kiểm soát kể từ đó.



Không thể đánh xe tăng

Cổ phiếu năng lượng vẫn có khả năng phục hồi, bất chấp sự biến động đi xuống gần đây của giá dầu. Một nhóm tiếp tục nổi bật là tàu chở dầu. Dưới đây, chúng tôi đã tạo một chỉ số tùy chỉnh có trọng số bằng nhau của sáu trong số các cổ phiếu tàu chở dầu lớn nhất được niêm yết trên các sàn giao dịch của Mỹ.



Như bạn có thể thấy, chỉ số đã di chuyển theo một đường cao hơn gần như thẳng đứng trong vài tháng qua, hoàn thành một sự đảo ngược xu hướng cấu trúc. Hiện tại không có nhiều nhóm ngành xuất hiện thể mạnh này. Miễn là giá vẫn trên mức cao nhất năm 2020, quỹ đạo của nhóm lãnh đạo này có thể đi lên.

Kết luận: Thị trường đang ở thế lưỡng lự trước giờ FED tăng lãi suất hôm nay. Với đợt tăng lãi suất này, nhà đầu tư có lẽ sẽ chú ý cả vào việc FED sẽ gửi thông điệp chính sách mới về việc quản lý lãi suất chứ không hẳn chỉ là mức tăng 0.75% hay 1%. Về cảm giác, chúng tôi thấy chỉ số có thể tăng điểm sau khi FED công bố tăng lãi suất.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST

Trung tâm nghiên cứu và phân tích

TRỤ SỞ CHÍNH:

Toà nhà Smart Invest, Số 222 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung , Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Tel: 0243 – 5739779

Fax: 0243 – 5739769